

Tiểu luận kinh tế chính trị

**ĐẨY MẠNH CỔ PHẦN HOÁ MỘT BỘ PHẬN
DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM**

LỜI NÓI ĐẦU

Khoảng 20, 30 năm về trước Việt Nam còn là một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu với nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung mang đầy tính bảo thủ, quan liêu, bao cấp. Trong cái khuôn khổ chật hẹp đó, các doanh nghiệp luôn bị gò bó, hạn chế về mọi mặt, vì thế, việc mở rộng hay phát triển dường như là điều không tưởng đối với họ. Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương thực hiện chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo ra những điều kiện vô cùng thuận lợi cho sự phát triển của các doanh nghiệp.

Thực tế đã chứng minh chủ trương mới của Đảng và Nhà nước đã tạo ra một sức bật mạnh mẽ đối với các doanh nghiệp tư nhân, nhưng còn các doanh nghiệp nhà nước? Với những tư tưởng vẫn còn mang nặng tính bảo thủ, do vẫn còn được bao cấp bởi Nhà Nước và nhiều mặt hạn chế khác, các doanh nghiệp nhà nước đang gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động cũng như phát triển của mình. Hơn thế nữa doanh nghiệp nhà nước lại chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng số các doanh nghiệp ở nước ta vì thế cùng với quá trình sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước doanh nghiệp nhà nước, Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước là một quá trình tất yếu của Việt Nam – một quốc gia với nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu, bởi vì việc sắp xếp và chuyển một số doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần tiến lên hình thành các tập đoàn, công ty đa quốc gia đủ mạnh, hoạt động có hiệu quả ở thị trường trong nước để đổi mới khu vực kinh tế nhà nước ở nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới.

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của công việc cổ phần hóa –doanh nghiệp nhà nước ở nước ta và từ những kiến thức, lý luận đã được trang bị ở trường kết hợp với kiến thức thực tế, em đã chọn đề tài: **Đẩy mạnh Cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam** để nghiên cứu trong tiểu luận của mình. Tuy nhiên cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước là một vấn đề

mang tính quốc gia, cần phải được nghiên cứu, lập kế hoạch chi tiết cụ thể với nhiều thời kỳ, nhiều khâu, nhiều thủ tục phức tạp, hơn nữa do thời gian có hạn và tài liệu không thật đầy đủ cũng như trình độ người viết còn non trẻ, chắc chắn bài viết này sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, bởi vậy em mong được sự chỉ bảo của Cô để có thể sửa chữa, khắc phục, củng cố lại vốn kiến thức của mình và để tiểu luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn Cô !

CHƯƠNG I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1. Bản chất của cổ phần hoá

Cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước thực chất là quá trình chuyển đổi các doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần là một biện pháp chuyển doanh nghiệp từ sở hữu Nhà nước sang hình thức sở hữu nhiều thành phần, trong đó tồn tại một phần sở hữu Nhà nước.

Công ty cổ phần là doanh nghiệp trong đó vốn điều lệ được chia thành nhiều cổ phần do tối thiểu hai cổ đông sở hữu, được phép phát hành chứng khoán và có tư cách pháp nhân. Các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn mà họ đã góp.

Thực tiễn 10 năm đổi mới đã khẳng định cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước không phải là tư nhân hoá mà là quá trình đa dạng hoá hình thức sở hữu, tạo cơ sở cho đổi mới các quan hệ tổ chức quản lý và phân phối sản phẩm, thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung vốn nhằm hiện đại hoá nền kinh tế, tạo động lực cho doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh đồng thời cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước cũng không phải làm suy yếu nền kinh tế Nhà nước mà là một giải pháp quan trọng để kinh tế Nhà nước phát huy vai trò chủ đạo thật sự của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Đại hội IX đã nhấn mạnh: “Thực hiện chủ trương cổ phần hóa những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn để huy động thêm vốn, tạo động lực và cơ chế quản lý năng động thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả”.

Hiện nay, quá trình chuyển đổi sở hữu Nhà nước đã trở thành một hiện tượng chủ yếu có tính toàn cầu, ở nước ta với khoảng gần 6000 doanh nghiệp nhà nước, nắm giữ 60% tổng số vốn của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nhưng hiệu quả kinh doanh còn thấp. Chỉ khoảng 50% doanh nghiệp Nhà nước làm ăn có lãi, trong đó thực sự làm ăn có lãi chỉ chiếm một tỷ lệ thấp, chưa đến 30%.

Trên danh nghĩa, doanh nghiệp nhà nước nộp tới 70 - 80% tổng doanh thu cho ngân sách Nhà nước, nhưng nếu trừ khấu hao tài sản cố định và thuế gián thu thì doanh nghiệp nhà nước chỉ đóng góp được khoảng 30% tổng doanh thu cho ngân sách Nhà nước. Đặc biệt, nếu tính đủ chi phí về tài sản cố định, đất đai theo giá thị trường thì doanh nghiệp nhà nước hoàn toàn không tạo ra được tích lũy. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là tài sản cố định, đặc biệt là máy móc thiết bị quá cũ, lạc hậu về kỹ thuật so với các nước trên thế giới. Hiện nay có đến 54% doanh nghiệp nhà nước Trung ương và doanh nghiệp nhà nước địa phương còn sản xuất bằng công nghệ thủ công. Quy mô doanh nghiệp nhà nước còn nhỏ, vốn ít. Thực tế vốn hoạt động chỉ bằng 80% vốn ghi trong danh sách, riêng vốn lưu động chỉ có 50% được huy động vào sản xuất kinh doanh, còn lại là công nợ khó đòi- tài sản, vật tư, hàng hoá mất mát, kém phẩm chất và thua lỗ chưa được xử lý.

2. Sự cần thiết phải đẩy mạnh cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam

Ở nước ta khu vực kinh tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, tuy nhiên với thực trạng kỹ thuật và tài chính (như đã trình bày ở phần trước), doanh nghiệp nhà nước hầu như không có khả năng đổi mới công nghệ nhằm nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường. Ngân sách Nhà nước cũng không có khả năng cấp vốn và bao cấp cho doanh nghiệp nhà nước như trước đây., Ngân hàng cho vay cũng đòi hỏi doanh nghiệp nhà nước phải có những điều kiện đảm bảo như tài sản thế chấp, khả năng kinh doanh để tính khả năng thu hồi vốn. Các doanh nghiệp nhà nước ở trong cái vòng luân quần, vốn thiếu nhưng không có cách nào để huy động. Để khắc phục những khó khăn đó, hiện nay cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước được coi là một giải pháp lớn nhằm tạo ra môi trường huy động vốn dài hạn cho doanh nghiệp nhà nước đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ và sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường trong nước và

quốc tế, tạo ra sức bật mới trong sản xuất kinh doanh, góp phần thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

3. Mục tiêu của cổ phần hoá

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước ,nước ta đang chập chững bước vào nền kinh tế thị trường, có thể nói kinh tế thị trường đã mở ra rất nhiều thời cơ mới song bên cạnh đó nó cũng chứa đựng biết bao khó khăn, thách thức. Vì thế để có thể đưa đất nước đi lên “sánh vai cùng các cường quốc năm châu”, chúng ta không những phải nắm bắt nhanh thời cơ mà còn phải tìm ra những giải pháp tốt để khắc phục những khó khăn trước mắt và lâu dài. Thực tế đã chứng minh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một hướng đi đúng đắn nhằm mở rộng, phát triển, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả hơn nhờ tận dụng được nguồn vốn từ bên ngoài khi mà Nhà nước không thể cấp vốn cho các doanh nghiệp như trước đây; tận dụng được thế mạnh của nền kinh tế thị trường ; tận dụng được sự năng động, sáng tạo và nhiệt tình trong công việc của các thành viên trong doanh nghiệp ,... nhưng vẫn giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa, bởi lẽ, tuy là doanh nghiệp cổ phần nhưng Nhà nước vẫn chiếm một tỷ trọng đáng kể. Như vậy, có thể khẳng định rằng cổ phần hóa không phải là tư nhân hoá các doanh nghiệp Nhà nước mà chỉ là mở ra một hướng đi mới cho sự phát triển của các doanh nghiệp, góp phần to lớn vào công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa nước nhà.

CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ CỔ PHẦN HÓA CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Tiến trình cổ phần hóa

Cổ phần hóa –doanh nghiệp nhà nước được bắt đầu từ những năm 90, đã trải qua các thời kỳ thí điểm đến thời kỳ mở rộng cổ phần hóa và đa dạng hoá các hình thức sở hữu, mô hình tổ chức quản lý của các doanh nghiệp nhà nước .

1.1. Thời kỳ thứ nhất-bước đầu thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Thời kỳ này, thực hiện quyết định số 202/CT của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ), các bộ, các ngành đã hướng dẫn doanh nghiệp nhà nước đăng ký thực hiện thí điểm chuyển sang Công ty cổ phần. Trên cơ sở số lượng doanh nghiệp nhà nước đã đăng ký, chủ tịch Hội đồng bộ trưởng đã ra quyết định số 203/CT ngày 8-6-1992 chọn 7 doanh nghiệp nhà nước do Chính phủ chỉ đạo thí điểm chuyển thành Công ty cổ phần:

- Nhà máy xà bông (Thuộc liên hiệp Công ty bột giặt miền Nam, Tổng Công hoá chất II, Bộ công nghiệp nặng).
- Nhà máy diêm Thống Nhất (thuộc liên hiệp sản xuất – xuất nhập khẩu giấy gỗ diêm, Bộ công nghiệp nhẹ).
- Xí nghiệp nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc (thuộc Công ty chăn nuôi và thức ăn gia súc I, Bộ Nông nghiệp và công nghệ thực phẩm).
- Xí nghiệp chế biến gỗ Long Bình (thuộc Tổng Công ty dịch vụ, sản xuất và xuất nhập khẩu lâm sản 3, Bộ lâm nghiệp).
- Công ty vật tư tổng hợp Hải Hưng (thuộc Tổng Công ty kinh doanh và chế biến lương thực Hà Nội, ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội).
- Xí nghiệp may mặc (thuộc Công ty dệt – da – may Legamex, UBND TP. Hồ Chí Minh).

Tuy nhiên sau thời gian làm thử, 7 doanh nghiệp Nhà nước Chính phủ chọn thí điểm đều xin rút lui hoặc không đủ điều kiện để tiến hành cổ phần hóa như Nhà máy xà bông miền Nam, Xí nghiệp may mặc (thuộc Công ty dệt – da – may Legamex)...

Trong số hơn 30 doanh nghiệp nhà nước đăng ký với Bộ Tài chính để thực hiện cổ phần hóa thì sau hơn bốn năm thực hiện Quyết định số 202/CT có năm doanh nghiệp nhà nước chuyển thành Công ty cổ phần là:

- Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (Bộ giao thông vận tải).
- Công ty cổ phần cơ điện lạnh (TP. Hồ Chí Minh)
- Công ty cổ phần giày Hiệp An (Bộ công nghiệp).
- Công ty cổ phần chế biến hàng xuất khẩu Long An (tỉnh Long An).
- Công ty cổ phần chế biến thức ăn gia súc (Bộ Nông nghiệp).

1.2. Thời kỳ thứ hai - mở rộng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (1996 - 2000)

Từ năm 1996 – 2000 là giai đoạn mở rộng thí điểm.

Ngày 7/5/1996 chính phủ đã ban hành nghị định số 28/CP “ về việc chuyển một số doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần”, thay thế cho quyết định số 202/CT với những quy định cụ thể rõ ràng hơn.

Thực hiện nghị định số: 28/CP, công tác cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước đã được quan tâm hơn cụ thể: có 30 tỉnh, thành phố, Bộ , ngành và các tổng công ty 91 đã đăng ký thực hiện cổ phần hóa hơn 200 doanh nghiệp nhà nước , nhưng đến đầu năm 1998 mới có 18 doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa , chuyển sang hoạt động theo luật Công ty với tổng số vốn là: 121384.000.000đ.

Trong số 18 công ty cổ phần có 1 công ty cổ phần nhà nước không nắm giữ cổ phần, 17 công ty còn lại nhà nước nắm giữ cổ phần ít nhất là 18%, cao nhất là 51%, cổ phần còn lại do cổ đông ngoài xã hội chiếm giữ.

So với yêu cầu cải cách doanh nghiệp nhà nước và số lượng doanh nghiệp nhà nước trong diện cổ phần hóa thì kết quả đạt được trong các năm 1992 – 1998 là quá ít, tốc độ cổ phần hóa rất chậm.

Từ năm 1998 đến nay là giai đoạn thực hiện bình thường và phổ biến đối với tất cả các doanh nghiệp nhà nước thuộc danh sách cần phải cổ phần hóa. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước có chuyển biến rõ rệt và đáng khích lệ từ khi có nghị định số 44/NĐ-CP ngày 29/6/1998 của Chính phủ “ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần”. Riêng 6 tháng cuối năm 1998 đã cổ phần hóa được 90 doanh nghiệp nhà nước. Năm 1999 cổ phần hóa được 250 doanh nghiệp nhà nước, gấp 7 lần so với 6 năm trước đó (1992 – 1997) cộng lại. Đến đầu năm 2000 cả nước đã cổ phần hóa được 370 doanh nghiệp nhà nước, và đến cuối năm 2000 cả nước đã có 523 doanh nghiệp nhà nước chuyển thành Công ty cổ phần chiếm 8,5% tổng số doanh nghiệp nhà nước hiện có. Tính đến tháng 9/2001 thì cả nước đã có khoảng 700 doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa. Con số này quả là đáng khích lệ. Tốc độ thực hiện cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước ở nước ta gần đây đang gia tăng. nhưng so với kế hoạch được duyệt từ 150 – 200 doanh nghiệp được cổ phần hóa trong năm 1998; 400 – 500 doanh nghiệp trong năm 1999 là 1000 doanh nghiệp cho năm 2000 thì tốc độ cổ phần hóa hiện nay vẫn còn quá chậm.

2. Thành tựu, Hạn chế, Nguyên nhân

Từ thực tế tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong thời gian qua chúng ta có thể đưa ra một vài nhận định về những mặt tốt và chưa tốt trong tiến trình cổ phần hóa ở nước ta, đồng thời tìm hiểu một vài nguyên nhân làm chậm tiến trình cổ phần hóa.

2.1. Thành tựu

Một số nhận định bước đầu:

- Các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa do huy động thêm được vốn để đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ nên năng lực sản xuất kinh doanh, năng suất, hiệu quả, lợi nhuận cao hơn trước.

- Quyền lợi của người lao động trong công ty đồng thời là các cổ đông gắn với quyền lợi của công ty. Người lao động một mặt làm việc với tinh thần trách nhiệm cao vì quyền lợi của mình, mặt khác cũng yêu cầu Hội đồng quản trị, giám đốc điều hành phải chỉ đạo và lãnh đạo công ty hoạt động có hiệu quả để lợi nhuận cao hơn.

- Phương pháp quản lý, điều hành doanh nghiệp thay đổi, từ việc Giám đốc doanh nghiệp nhà nước do cấp trên chỉ định sang hình thức cổ đông bầu hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc do đó trách nhiệm của hội đồng quản trị và giám đốc điều hành cao hơn, hoạt động của doanh nghiệp có tính đến hiệu quả cụ thể hơn.

- Cổ phần hóa là chuyển từ sở hữu Nhà nước sang sở hữu nhiều thành phần, tạo điều kiện cho người lao động thật sự làm chủ doanh nghiệp, làm cho tài sản xã hội tăng lên. Tính khả thi và hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước – cổ phần hóa nói riêng và các doanh nghiệp cổ phần nói chung đã được thực tế chứng minh. Một không khí sản xuất mới đã được thiết lập.

- Tình trạng lãng phí của cải, tài sản giảm thiểu, vấn đề ăn nhậu xa hoa không còn, tiền phong bao cũng không có. Bởi vì thông thường điều lệ của các công ty quy định rất rõ định mức các khoản chi nhất là chi tiếp khách.

- Nhà nước đã thu về được một lượng vốn đáng kể, các chỉ tiêu khác như vốn, nộp ngân sách, việc làm, thu nhập bình quân đều tăng đáng kể.

- Nhờ sự làm ăn có hiệu quả tốt nên giá cổ phiếu của công ty cổ phần hóa đã tăng nhanh. Giá trị cổ phiếu bình quân tăng 2 đến 3 lần

- Hiệu quả kinh doanh có tiến bộ đáng kể. Báo cáo hoạt động của 50 doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hoá hơn một năm cho thấy hầu hết các doanh nghiệp đều có chuyển biến tích cực trên nhiều mặt, kể cả các doanh nghiệp trước khi cổ phần hoá bị thua lỗ, doanh thu hàng năm tăng gần 30%, có một số tăng 50%. Trong 6 tháng đầu năm 1999 có công ty cổ phần đạt doanh thu gấp đôi so với trước khi cổ phần hóa. điển hình là công ty cơ điện lạnh đạt 360 tỷ đồng so với 80 tỷ đồng, công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển đạt 160 tỷ đồng so với 16 tỷ đồng.

Số lao động không bị giảm mà còn tăng bình quân 10%, có công ty tăng trên 20%. Ví dụ công ty cổ phần chế biến hàng xuất khẩu Long An từ 900 người lên 1280 người, công ty cổ phần cơ điện lạnh từ 334 người tăng lên 739 người, công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển từ 85 người tăng lên 350 người.

Thu nhập của người lao động tăng bình quân 20%(chưa kể thu nhập cổ tức), điển hình là công ty liên hiệp vận chuyển, trước khi cổ phần hóa thu nhập là 1.1 triệu đồng/người/tháng, nay đạt 4.4 triệu đồng/người/tháng. công ty cổ phần chế biến thức ăn gia súc từ 524 ngàn đồng tăng lên 1.3 triệu đồng.

Lợi nhuận trước thuế hàng năm tăng lên 26%, có công ty đạt tổng lợi nhuận gấp hai ba lần so với trước khi cổ phần hóa. Ví dụ: Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển lãi từ 4.1 tăng lên 37 tỷ đồng, công ty cổ phần cơ điện lạnh lãi từ 8.8 tỷ đồng tăng lên 34 tỷ đồng.

Nộp ngân sách hàng năm tăng bình quân trên 30%, một số công ty đạt gấp đôi so với trước khi cổ phần hóa. Chẳng hạn năm 1998, công ty cổ phần Cơ điện lạnh nộp ngân sách 68 tỷ đồng so với 3,7 tỷ đồng trước khi cổ phần hóa; Công ty cổ phần đại lý Liên hiệp vận chuyển nộp ngân sách 40 tỷ đồng so với 5,1 tỷ đồng trước khi cổ phần hóa.

Vốn điều lệ tăng bình quân trên 25%/năm, có một số tăng lên 2 lần.

Lãi cổ tức đạt cao hơn lãi tiết kiệm bình quân đạt 12% /tháng, Công ty cổ phần sửa chữa và đóng tàu thuyền Bình Định đạt 20% trong năm 98, các Công ty

cổ phần sơn Bạch Tuyết , chế biến thức ăn gia súc, chế biến hàng xuất khẩu Long An đều đạt cổ tức 2% /tháng.

- Về thực hiện mục tiêu cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước , tuy số lượng doanh nghiệp cổ phần hóa mới chiếm 7% tổng số doanh nghiệp hiện có nhưng qua đó bước đầu đã huy động thêm được các nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn nhà nước để đầu tư vào doanh nghiệp cổ phần hóa . Mặt khác, thực tế cho thấy, phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp cổ phần hóa không những không bị giảm đi mà ngược lại đã tăng lên từ 10-15% so với giá trị ghi trên sổ sách. Thay đổi phương thức quản lý tạo động lực cho thúc đẩy kinh doanh đạt hiệu quả cao. Vai trò làm chủ thực sự của người lao động với tư cách là cổ đông trong công ty cổ phần bước đầu khơi dậy, phát huy thể hiện ở tinh thần hăng say, tự giác làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật và tiết kiệm trong sản xuất – kinh doanh được nâng lên, nhằm chỉ tiêu kinh tế tăng lên rõ rệt so với thời kỳ trước khi cổ phần hóa .

- Nghị định số 44/1998/NĐ-CP đã kế thừa được nhiều nội dung tốt nêu trong các quy định của nghị định 28/CP, đồng thời bổ sung sửa đổi và phát triển được nhiều điểm mới để đáp ứng yêu cầu cổ phần hóa . Đặc biệt nghị định 44/1998/NĐ-CP đã quy định cụ thể các chính sách khuyến khích đối với doanh nghiệp và người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa thể hiện ở nhiều cơ chế ưu đãi đồng thời có phân cấp cụ thể đối với các cấp trong quá trình triển khai thực hiện cổ phần hóa , do đó tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp và các cấp quản lý triển khai thực hiện quy trình kế hoạch cổ phần hóa .

- Công tác hướng dẫn phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa đã được chú trọng triển khai tích cực hơn. Thông qua các lớp tập huấn cho cán bộ, các văn bản hướng dẫn thì các chủ trương chính sách và chính sách và quy trình cổ phần hóa được phổ biến sâu rộng làm cho nhiều người, nhiều cấp quan tâm hiểu rõ cách thức cổ phần hóa . Các phương tiện thông tin đại chúng như các báo, đài ở trung ương và địa

phương bằng nhiều hình thức phong phú: mở chuyên mục, diễn đàn, đối thoại, phỏng vấn... về cổ phần hóa đã đưa tin kịp thời góp phần tích cực tuyên truyền phổ biến, biểu dương các đơn vị điển hình, phản ánh kịp thời những vướng mắc cần thiết phải tháo gỡ để đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa.

2.2. Những mặt còn hạn chế trong cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và nguyên nhân của những hạn chế đó

Chỉ thị số 20/1998/CT-TTG ngày 21/4/1998 “về đẩy mạnh sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước” quy định đến hết năm 2000, sẽ chuyển khoảng 20% doanh nghiệp nhà nước, tức là 1200 đơn vị thành công ty cổ phần. Nhưng cho đến hết năm 1999 mới thực hiện được 370 doanh nghiệp nhà nước, năm 2000 thực hiện được 500 doanh nghiệp nhà nước và đến tháng 9 năm 2001 cũng chỉ thực hiện được khoảng 700 doanh nghiệp nhà nước. Còn cách quá xa chỉ tiêu dự định cổ phần hóa - doanh nghiệp nhà nước trong năm 2000.

Số doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa còn chiếm tỷ trọng thấp so với kết quả phân loại doanh nghiệp. Số doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa chỉ chiếm 6,8% tổng số doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý và khoảng 36% tổng số doanh nghiệp nhà nước cần cổ phần hóa tại địa phương. Đối với các Bộ, ngành Trung ương thì con số tương tự là 5,5% và 29,6%.

Một trong những mục tiêu của cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước là thu hút vốn ngoài xã hội để cơ cấu lại doanh nghiệp, nhưng phần lớn các doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa đều nhỏ, khoảng 90% có số vốn Nhà nước dưới 5 tỷ đồng. Tổng số vốn Nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước. Cổ phần hóa chỉ chiếm khoảng 0,7% tức không vượt qua 1000.000.000 đồng.

Tỷ lệ bình quân cổ phần do Nhà nước và cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp nắm giữ khoảng 70 - 80%, suy ra vốn thu hút từ ngoài xã hội không nhiều.

Nước ta đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, kiên trì chủ nghĩa Mac – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh lâu nay trong nhận thức của mỗi người đã khẳng

định một ý tưởng muốn xây dựng một xã hội mới công bằng dân chủ và văn minh thì phải xoá bỏ tư hữu về tư liệu sản xuất. Song trong một thời gian dài đã đồng nhất kinh tế quốc doanh với chủ nghĩa xã hội, vì vậy đã có không ít người phản đối cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước, cho rằng như vậy là “rời xa chủ nghĩa xã hội, phá vỡ cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội”. Trong nhận thức của một số cán bộ quản lý doanh nghiệp và ở một số cấp quản lý chưa thực sự quyết tâm tiến hành cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước, còn ngần ngại do dự. Nhất là khi cổ phần hóa bộ phận hoặc doanh nghiệp thành viên, còn có tâm lý sợ cổ phần hóa sẽ làm giảm doanh thu, vốn và tài sản, lợi nhuận giảm quy mô và xé phạng của công ty, tổng công ty. Một số các Bộ quản lý doanh nghiệp sợ cổ phần hóa sẽ làm cho mất sức mất quyền, mất lợi.

Đối với người lao động thì một bộ phận sợ mất việc làm vì trình độ tay nghề thấp nên dễ bị sa thải, một số chưa quen chuyển từ công nhân viên chức Nhà nước thành người lao động trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, một số có tâm lý muốn làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước để có thu nhập ổn định.

Cơ sở pháp luật của cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước chậm được ban hành đồng bộ, thiếu cụ thể. Một số nội dung liên quan đến quy định trong pháp lệnh chống tham nhũng, pháp lệnh cán bộ công chức, Nghị định 44/1998/NĐ-CP và các văn bản khác, vẫn còn có những điểm chưa phù hợp, thậm chí chưa thúc đẩy mạnh mẽ việc huy động vốn của các cổ đông tham gia vào công ty cổ phần. Ví như khống chế tỷ lệ tối đa được mua cổ phần với giá ưu đãi không vượt mức cổ phần bình quân của các cổ đông trong doanh nghiệp. Một số nội dung chậm được hướng dẫn cụ thể, đã gây nhiều lúng túng trong thực hiện: Quy chế bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài, quỹ hỗ trợ và sắp xếp cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước, cơ chế khuyến khích người cung ứng nguyên liệu cho doanh nghiệp chế biến khi tiến hành cổ phần hóa, quyền và trách nhiệm cụ thể của doanh nghiệp và giải quyết tài sản tồn đọng, chờ thanh lý hoặc phải điều đi, cơ

ché và nguồn chi trả để giải quyết việc một số bộ quản lý doanh nghiệp không bỏ chi được chỗ làm khi chuyển sang công ty cổ phần.

Trong quá trình tiến hành cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước thường vấp phải không ít tồn tại, vướng mắc về tài sản, tiền vốn trong các doanh nghiệp Nhà nước như: Đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định không theo đúng nguồn vốn, thậm chí sử dụng cả vốn lưu động, vốn chiếm dụng trong thanh toán để xây dựng, mua sắm vật tư, thiết bị; Hàng hoá tồn kho, ứ đọng không có khả năng tiêu thụ, nợ dây dưa, khó xác nhận, khó thu hồi... Xác định giá trị doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp chưa có đủ giấy tờ pháp lý về quyền sở hữu tài sản cố định, nhà xưởng, vật kiến trúc. Mặt khác quy trình cổ phần hóa vẫn chưa thật khoa học, các khâu xác định giá trị doanh nghiệp và điều chỉnh giá trị doanh nghiệp vẫn phải kéo dài vì cần phối hợp với nhiều cơ quan tham gia chưa có đầy đủ văn bản hướng dẫn cụ thể về mặt nghiệp vụ.

Chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và hướng dẫn nó hoạt động theo luật công ty là một vấn đề mới mẻ mà chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm. Trong điều kiện đó, quản lý của nhà nước đối với doanh nghiệp cổ phần hóa lại chưa được quy định cụ thể và kịp thời, gây cho các doanh nghiệp cổ phần hóa có nhiều bỡ ngỡ, lúng túng trong hoạt động hoặc có tâm lý ngần ngại khi chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

Về quy trình cổ phần hóa : Theo Quyết định số 01/CP ngày 4/9/1996 của Ban chỉ đạo trung ương cổ phần hoá thì qui trình cổ phần hóa chỉ phân thành 4 bước nhưng có rất nhiều công đoạn và trình tự thủ tục kèm theo, gây tốn nhiều thời gian.

Về chính sách ưu đãi cho người lao động tại các doanh nghiệp nhà nước – cổ phần hóa .

- Còn tình trạng hạn chế tiêu chuẩn và mức hưởng cổ tức trên số cổ phần thuộc sở hữu nhà nước, vì chỉ có những người có thâm niên từ 3 năm trở lên mới được hưởng, mức hưởng cũng không đáng kể (chỉ 6 tháng lương cấp bậc).

- Còn tình trạng hạn chế mức mua chịu cổ phần cho người lao động, vì cũng chỉ những người có thâm niên từ 3 năm trở lên mới có quyền mua chịu. Đồng thời trong qui định là tổng mức mua chịu không vượt quá tổng mức mua tiền mặt, nhưng không rõ trong từng người có mua chịu được nhiều hơn không, những ai không mua tiền mặt có mua chịu được hay không?

- Bên cạnh đó còn có tình trạng cách biệt về số lượng mua cổ phiếu giữa công nhân và cán bộ lãnh đạo trong doanh nghiệp, thực ra là giữa người có nhiều tiền và người có ít tiền mua cổ phiếu.

Trình độ dân trí thấp, mang nặng tâm lý sản xuất nhỏ. Xuất phát từ nền sản xuất nhỏ lại nhiều năm vận hành trong cơ chế cũ, nên trình độ kiến thức và yếu tố tâm lý của ta còn bị ảnh hưởng nặng nề, chưa thích ứng với cơ chế mới. Kiến thức thiếu hụt nhất trong nhân dân và cán bộ ta hiện nay là về kinh tế thị trường, công nghệ, tin học và ngoại ngữ. Ngay cả đội ngũ giám đốc các doanh nghiệp nhà nước cũng phần lớn chưa ngang tầm nhiệm vụ được giao. Qua khảo sát 506 doanh nghiệp nhà nước có 37 giám đốc chưa tốt nghiệp văn hoá phổ thông, chỉ có 187 người sử dụng được ngoại ngữ nhưng chưa thành thạo. đội ngũ này trình độ đào tạo mới chỉ được nâng lên về mặt hình thức. Ngay cả những người làm công tác đào tạo cũng chưa được đào tạo lại. Vì vậy những tri thức về thị trường, kinh doanh... chưa được chuyên tải kịp thời và đầy đủ cho đội ngũ cán bộ doanh nghiệp. Đây là lực cản không nhỏ đối với tiến trình cổ phần hóa .

- Về mặt tâm lý: Do bị ảnh hưởng tư tưởng trong xã hội cũ, những năm bao cấp, nên nhân dân ta còn mang nặng tâm lý (đồng tiền đi liền khúc ruột), chưa quen với việc đầu tư tiền vào mua cổ phiếu. Những hiện tượng như lừa đảo, chiếm dụng vốn của nhau, tham nhũng, coi thường kỷ cương phép nước... đã có ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý đầu tư vào mua cổ phiếu của người có vốn. Thực tế, vốn trong dân có nhiều nhưng do môi trường pháp lý chưa thực sự đảm bảo nên họ không giám đầu tư.

- Không chỉ những khó khăn trên mà còn rất nhiều các tác động tiêu cực của các yếu tố khác như một môi trường kinh doanh chịu tác động ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực và quốc tế, tác hại to lớn của thiên tai, dịch hoặ...đã làm cho quá trình cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước ở nước ta thời gian qua và trong một số năm tới không thể diễn ra một cách “thuận buồm xuôi gió”. Trái lại nó đòi hỏi phải quyết tâm cao và cố gắng lớn, tìm ra cách làm phù hợp để hoàn thành chương trình cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước ở nước ta góp phần xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa .

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM ĐẦY NHANH QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA – DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1. Tuyên truyền, phổ biến để toàn dân nhận thức được một cách đúng đắn về mục tiêu của cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Các cấp uỷ Đảng và chính quyền phải quán triệt, tuyên truyền, giải thích trong nhân dân chủ trương chính sách của Đảng về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa phải xuất phát từ yêu cầu của doanh nghiệp nhà nước nhằm huy động thêm vốn từ bên trong và bên ngoài doanh nghiệp để đầu tư mở rộng ngành nghề, hiện đại hoá công nghệ tạo thêm công ăn việc làm, phân công lại lao động, phát triển sản xuất tích lũy cho doanh nghiệp, đóng góp cho ngân sách và thu nhập của người lao động.

Tổ chức Đảng, chính quyền tại doanh nghiệp được cổ phần hóa phải nắm vững về chủ trương cổ phần hóa của Đảng và Nhà nước tránh tình trạng không hiểu sâu dẫn đến những lo ngại cổ phần hóa sẽ làm mất chủ quyền của Nhà nước, làm mất vai trò kinh tế quốc doanh.

Việc thực hiện cổ phần hóa là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm sắp xếp lại khu vực kinh tế Nhà nước – nó không phải là một giải pháp tình thế mà là một phương thức đổi mới cơ chế quản lý cho thích nghi với sự vận động của cơ chế thị trường. Do đó chủ trương cổ phần hóa phải được chủ động giải quyết từ phía Nhà nước, không chỉ dựa vào sự tự nguyện của các doanh nghiệp

Phải tuyên truyền chủ trương cổ phần hóa sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng, giải đáp các thắc mắc dù nhỏ của người lao động tại doanh nghiệp, không phải chỉ tuyên truyền chung chung mà phải xuống tận cơ sở, tiếp xúc với người lao động và cả giám đốc của họ. Khi quần chúng lao động nhận

thức được và lãnh đạo doanh nghiệp có quyết tâm, tiến độ cổ phần hóa sẽ rất nhanh.

2.Về quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa

Nhằm đảm bảo sau cổ phần hóa các doanh nghiệp thực thi “cơ chế quản lý Nhà nước” theo đúng Luật Công ty, ngoại trừ các doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước nắm cổ phiếu chi phối hoặc cổ phần đặc biệt, Nhà nước chỉ giữ 2 cổ đông làm đại diện. Một là, đại diện của Cục quản lý vốn (Công ty tài chính); hai là, đại diện cơ quan chủ quản. Khi tiến hành đại hội cổ đông để bầu Hội đồng quản trị, hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp đại diện Nhà nước chỉ bỏ phiếu không tùy thuộc vào số vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp nhiều hay ít. Như vậy, loại trừ khả năng Nhà nước dùng quyền khống chế để cử người vào Hội đồng quản trị hay Giám đốc theo ý đồ riêng, bảo đảm quyền dân chủ rộng rãi trong bầu cử.

Nhà nước nên nhanh chóng chấm dứt cơ quan chủ quản, để doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 13/1999/ QH10. Khi đó đại diện vốn Nhà nước chỉ còn là một của Bộ Tài chính.

3.Về chính sách hỗ trợ tài chính đối với doanh nghiệp cổ phần hóa .

Căn cứ ND 44/1998/ ND-CP thì doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa được hưởng hai nội dung ưu đãi: một là, miễn lệ phí trước bạ khi chuyển sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần; hai là, giảm 50% thuế lợi tức hai năm liên tiếp kể từ sau khi chuyển sang hoạt động theo Luật Công ty.

Những nội dung còn lại về thực chất không có gì đáng gọi là ưu đãi. Nhà nước nên có những chính sách thật sự ưu đãi hơn nữa cho các doanh nghiệp cổ phần như:

- Giảm mức thuế suất thu nhập Công ty cổ phần thấp hơn các loại hình doanh nghiệp khác (như nhiều nước đã làm)
- Miễn thuế thu nhập cho phần lợi nhuận dùng để tái đầu tư.
- Khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa nên theo giá “thuận mua vừa bán”, không nên quá nặng về bên nào.
- Không nên hạn chế số lượng cổ phần bán ra cho công nhân viên (trừ giới lãnh đạo doanh nghiệp) và cho các nhà đầu tư nước ngoài.
- Số tiền thu được do bán cổ phần nên ưu tiên đầu tư lại cho doanh nghiệp cổ phần hóa (để đào tạo lại công nhân viên, đầu tư đổi mới công nghệ ...).

Trên đây là một số giải pháp cơ bản nhằm đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước đồng thời thúc đẩy hoạt động của mọi công ty cổ phần phát triển bền vững.

4. Tạo môi trường pháp lý đầy đủ đồng bộ về cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước

Cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước cũng có nghĩa là bán đi một phần tài sản Nhà nước có giá trị lớn hàng chục ngàn tỉ đồng. Vậy liệu Nghị định 44/1998/NĐ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính của Ban đổi mới doanh nghiệp Trung Ương có đủ tầm cỡ và sức mạnh pháp lý để điều chỉnh hay phải có văn bản pháp luật cao hơn (Luật kinh tế cổ phần chẳng hạn...). Trong khi chưa có luật, Nhà nước giao nhiệm vụ cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung Ương tập trung chỉ đạo các tỉnh, thành phố và các Bộ phải thường xuyên theo dõi, nắm chắc tình hình, giúp các doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa và hoạt động thuận lợi. Tiến hành bổ sung, sửa đổi kịp thời các văn bản có liên quan, hoàn chỉnh dần các chính sách nhằm bảo đảm cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước một cách vững chắc, đạt mục tiêu đã đề ra, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát tài sản Nhà nước.

Nhà nước nên thành lập Ủy Ban Quốc Gia (UBQG) về cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước do một phó Thủ tướng làm Chủ tịch, Bộ Tài chính làm phó Chủ tịch thường trực, các Bộ liên ngành làm Ủy viên. UBQG về cổ phần hóa được quyền giải quyết mọi vấn đề có liên quan đến cổ phần hóa theo Luật kinh tế cổ phần.

Giảm thiểu những thủ tục hành chính rườm rà, không cần thiết để tránh gây phiền hà, hay làm lỡ thời cơ kinh doanh của các doanh nghiệp .

5. Phát triển hệ thống Ngân hàng Thương mại, Công ty Tài chính, Công ty Bảo hiểm, đưa nhanh thị trường Chứng khoán vào hoạt động

Chủ trương hình thành và đưa vào hoạt động thị trường chứng khoán ở nước ta đã có từ năm 1996. Đến năm 2000, Trung tâm giao dịch chứng khoán đầu tiên đã đưa vào hoạt động từ đó tạo lòng tin vào cổ đông của các doanh nghiệp được cổ phần hóa . Bởi vì khi cổ phiếu của công ty được niêm yết tại trung tâm giao dịch chứng khoán thì khi cầu tiền mặt hoặc giảm lòng tin đối với công ty mà mình mua cổ phần, cổ đông có thể bán ngay cổ phần mình có tại thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần và thị trường chứng khoán là “hai người bạn đồng hành” vốn có quan hệ nhân quả với nhau, cái nọ là tiền đề để cái kia tồn tại và phát triển, tạo nên thị trường vốn. Điều này giúp làm lành mạnh hoá nền tài chính quốc gia và là một biểu hiện cụ thể tiềm lực của nền kinh tế. Khi có thị trường chứng khoán, vốn nhàn rỗi trong xã hội sẽ được thu hút vào đầu tư.

Tuy nhiên, do thị trường Chứng khoán ở nước ta đang ở giai đoạn sơ khai, do đó việc tham gia thị trường Chứng khoán của các Công ty cổ phần để huy động vốn còn phải thực hiện nhiều thủ tục phức tạp. Vì vậy Bộ Tài chính cần đơn giản thủ tục phê chuẩn phát hành cổ phần nhằm khuyến khích các doanh nghiệp tham gia thị trường Chứng khoán .

KẾT LUẬN

Qua những phân tích ban đầu trên, chúng ta có thể phần nào nhận thấy tầm quan trọng của cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam. Quả thật cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một hướng đi đúng đắn thể hiện sự sáng tạo, vận dụng quan điểm duy vật biện chứng, vận dụng các quy luật khách quan vào thực tế một cách khéo léo của Đảng và Nhà nước ta. Cổ phần hóa đã tạo ra động lực mạnh mẽ đối với các doanh nghiệp trong quá trình tồn tại và phát triển của mình. Nhờ có cổ phần hóa mà các doanh nghiệp đang gặp khó khăn có thêm một giải pháp mới hữu hiệu cho những vấn đề của mình, các doanh nghiệp đang phát triển thì có điều kiện rất tốt để mở rộng hơn nữa, phát triển hơn nữa nhờ vào nguồn vốn lớn, nguồn nhân lực dồi dào, được tiếp xúc với những công nghệ mới hiện đại ... Chẳng những thế, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn góp phần to lớn vào công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, tạo điều kiện cho nền kinh tế có những bước chuyển biến mạnh mẽ, đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh. Một quốc gia có nền kinh tế phát triển thì chắc chắn sẽ có điều kiện thuận lợi để giữ vững an ninh, quốc phòng, đảm bảo nền độc lập dân tộc, giữ vững được chế độ chính trị của mình. Như vậy, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một hướng đi hoàn toàn đúng đắn của Đảng và Nhà nước, nó vừa góp phần vào sự tăng trưởng của nền kinh tế vừa góp phần giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng.

Những phân tích của em trong tài liệu này vẫn còn rất nhiều thiếu sót, vì thế chưa thể làm sáng tỏ một cách thực sự vai trò vô cùng to lớn của cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tuy vậy em vẫn mạnh dạn đưa ra những quan điểm của mình, bởi lẽ, cống hiến sức mình cho sự nghiệp xây dựng đất nước, xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đó là mong muốn của sinh viên nói chung và của em nói riêng. Và em mong rằng

những giải pháp em đã nêu ra có thể góp một phần nhỏ bé vào sự nghiệp chung của cả dân tộc- sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tạp chí phát triển kinh tế.
3. Kinh tế và dự báo số 10-1999
4. Giáo trình Kinh tế chính trị
5. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam (NXB Thống kê)
6. Kinh tế xã hội Việt Nam hướng tới chất lượng tăng trưởng-hội nhập phát triển bền vững (TS. Nguyễn Mạnh Hùng NXB Thống Kê)
7. PGS.TS Phạm ngọc côn : Cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước
8. GS.TS trần văn tránh: Một số biện pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước (Tạp chí phát triển kinh tế, Số 111/2000).
9. Nguyễn sơn: Về một số giải pháp nhằm thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa – doanh nghiệp nhà nước